TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/7/2019
V/v "Ly hôn giữa chị L và anh Đ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hà Giang
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguỵ Văn Tuệ
2. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

***- Thư ký phiên toà*:** bà Ngô Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 53/2019/QĐST - HNGĐ ngày 17/6/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị L, sinh năm 1988; Nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982; Nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 14/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn ngày 27/11/2015, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu gia đình anh Đ ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Đ không thay đổi, vợ chồng thường xuyên xảy xô xát, to tiếng. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ năm 2018 vợ chồng chị sống ly thân, tuy ở chung một nhà nhưng không quan tâm chăm sóc cho nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải

động viên nhiều lần để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Đây là lần thứ hai chị làm đơn làm đơn ly hôn với anh Đ, lần thứ nhất là năm 2014 chị và anh Đ đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn nguyên nhân cũng do anh Đ có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Do chị thương con cũng như được hai bên gia đình động viên, anh Đ hứa sửa chữa nên năm 2015, chị và anh Đ quay lại chung sống và đăng ký kết hôn lại tại UBND xã L, nhưng nay anh Đ vẫn không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Trần H A, sinh ngày 18/10/2012 và Nguyễn Trần B A, sinh ngày 6/6/2016. Hiện nay con chung đang ở với anh chị. Ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên ý kiến trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn Đ - bị đơn thông qua mẹ đẻ anh Đ là bà Phạm Thị Th, tuy nhiên anh Đ không đến Tòa án để làm việc và không cung cấp bản tự khai, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại biên bản làm việc ngày 23/4/2019, mẹ đẻ anh Đ là bà Phạm Thị Th cung cấp: chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn năm 2016 có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị L và anh Đ chung sống cùng bà tại thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu vợ chồng chị L và anh Đ chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2018, chị L và anh Đ phát sinh mâu thuẫn nhưng nguyên nhân cụ thể thì bà không nắm được. Từ năm 2018 bà thấy chị L và anh Đ tuy sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc cho nhau. Chị L và anh Đ mâu thuẫn đã trầm trọng khó có khả năng đoàn tụ. Về con chung: bà Th cung cấp vợ chồng chị L, anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Trần H A, sinh ngày 18/10/2012 và Nguyễn Trần B A, sinh ngày 6/6/2016. Hiện nay con chung đang ở với anh chị. Bà thấy cả chị L và anh Đ đều có đủ điều kiện để nuôi con.

Tại phiên toà: anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của

BLTTDS; HĐXX đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên toà HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn có ý thức chấp hành các quy định của BLTTDS, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, chưa chấp hành đúng các quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L, xử chị L được ly hôn anh Đ; Con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết; Về án phí: chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: ngày 18 tháng 3 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị L với bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ đều cư trú thôn Đ, xã L, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về việc xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ: anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ là phù với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét các yêu cầu của nguyên đơn thấy:

[3] Về tình cảm vợ chồng: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn ngày 27/11/2015, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Vợ chồng thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, chị L nghi ngờ anh Đ có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị L và anh Đ sống ly thân từ năm 2018, không quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải động viên nhiều lần để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Quá trình làm việc với mẹ đẻ anh Đ là bà Phạm Thị Th, đại diện chính quyền địa phương là bà Nguyễn Thị Q - phó thôn Đ, xã L, bà Vũ Thị Ng - Chi hội trưởng chi hội phụ nữ thôn Đ, xã L thì thấy hiện mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, khó có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, HĐXX thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị L được ly hôn anh Đ.

[4] Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị L không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: chị Trần Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về án phí: chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002393 ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát Tân Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục T.H.A Tân Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã L Sơn;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hà Giang